



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 163-24/QĐ-CTTĐ

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

- Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302668322 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp.HCM cấp,
- Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ ngày 16/09/2016 do Bộ Y tế cấp,
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ 4 Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 28/04/2022,
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng lãnh đạo ngày 11/03/2024;
- Căn cứ tờ trình của khoa điện sinh lý ngày 16/03/2024;
- Căn cứ tờ trình của khối ngoại ngày 18/03/2024;
- Căn cứ tờ trình của phòng kế toán ngày 20/03/2024, theo ý kiến của Chủ tịch HĐQT;
- Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Bệnh viện Tim Tâm Đức:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chỉnh tăng giá các dịch vụ theo danh sách đính kèm.

Điều 2: Phòng Kế toán Tài vụ, các Khoa/ Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/03/2024.



Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

Địa chỉ: 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 5411 0036 Fax: (84 28) 5411 0029

Website: www.tamduchearthospital.com - Email: hospital@tamduchearthospital.com

DANH MỤC DỊCH VỤ ĐIỀU CHỈNH GIÁ

(Đính kèm quyết định số 163-24/QĐ-CTTĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024)

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
Khám bệnh tim mạch			
1	Ths.Bs. Phan Kim Phương	500.000	
2	PGS.TS.BS.Nguyễn Thị Bích Đào	450.000	
3	Ths.Bs. Nguyễn Hoài Thu	420.000	
4	TS.BS.Tôn Thất Minh	410.000	
5	TS.BS.Chu Trọng Hiệp	400.000	
6	TS.BS Đinh Đức Huy	380.000	
7	TS.BS Lê Kim Tuyền	380.000	
8	BS.CKI Đỗ Văn Bửu Đan	380.000	
9	ThS.BS Nguyễn Huỳnh Khương	370.000	
10	Khám và tư vấn dinh dưỡng (BS.CKII Lâm Mỹ Dung)	350.000	
11	BS.CKII Thái Minh Thiện	320.000	
12	BS.CKII Lý Huy Khanh	320.000	
13	Ths.BS Ngô Thị Kim Ánh	320.000	
14	Các chuyên gia khác của Viện Tim	320.000	
15	BS.CKI Nguyễn Kim Chung	310.000	
16	BS.CKI Phạm Trần Xuân Hồng	310.000	
17	Bs.CKI Trần Thị Kim Thanh	310.000	
18	Bs.CKI Từ Ngọc Thủy Hiền	310.000	
19	BS.CKII Đỗ Thị Kim Chi	380.000	
20	BS.CKII Phạm Thị Lan Anh	310.000	
21	ThS.BS Trần Từ Nam	310.000	
22	Khám bệnh cơ tim phì đại	300.000	
23	Khám thông thường	280.000	
Điện tim thường quy			
24	ECG - Điện tim thường quy	85.000	
Siêu Âm			
25	Siêu âm bụng	200.000	
26	Siêu âm hạch vùng cổ	200.000	
27	Siêu âm phần mềm	200.000	
28	Siêu âm tim kích nhịp	770.000	
29	Siêu âm tim qua thực quản	970.000	
30	Siêu âm tim qua thực quản (BHYT)	970.000	
31	Siêu âm tim qua thực quản (PK)	970.000	
32	Siêu âm tim qua thực quản (vô cảm có ý thức)	1.200.000	
33	Siêu âm tim qua thực quản 4 chiều (có tiền mê)	1.820.000	
34	Siêu âm tim thai	510.000	
35	Siêu âm tuyến giáp	230.000	
36	Siêu âm tuyến vú	300.000	
37	Siêu âm Doppler động mạch cảnh, cột sống, dưới đòn	410.000	
38	Siêu âm Doppler động mạch chi dưới	410.000	
39	Siêu âm Doppler động mạch chi trên	242.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
40	Siêu âm Doppler động mạch chủ	242.000	
41	Siêu âm Doppler động mạch thận	242.000	
42	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chi dưới	410.000	
43	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chi trên	242.000	
44	Siêu Âm Tim Doppler Màu	450.000	
45	Siêu âm tim Doppler màu 4 chiều	820.000	
46	Siêu âm tim Doppler màu có đánh dấu mô	820.000	
47	Siêu âm tim gắng sức	760.000	
XN Huyết Học			
48	Anti Thrombin III	291.000	
49	Bleeding time & Coagulation time (TS-TC)	51.000	
50	Co cục máu	61.000	
51	DGP (D-Dimères)	350.000	
52	Điện di Hemoglobin	351.000	
53	Độ tập trung tiểu cầu	81.000	
54	Erythropoietine	221.000	
55	Factor - layden	241.000	
56	Factor - V	331.000	
57	FIB (Fibrinogen)	131.000	
58	Hematocrit	24.000	
59	Hồng cầu lưới (Réticulocyte)	111.000	
60	Ký sinh trùng sốt rét (Malaria)	134.000	
61	Nhóm máu (GS)	270.000	
62	PFA (CEPI + CADP)	701.000	
63	PFA P2Y test	666.000	
64	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng Globulin người (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	228.000	
65	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 độ C (KT ống nghiệm)	106.000	
66	Phết máu ngoại vi	81.000	
67	Protein C	436.000	
68	Protein S	436.000	
69	Schistocyte	80.000	
70	TCK (aPTT)	86.000	
71	Test de combs gián tiếp	207.000	
72	Test de combs trực tiếp	207.000	
73	Test nhanh chỉ số "INR"	151.000	
74	Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm laser	111.000	
75	TP/INR	86.000	
76	TP+TCK+FIBRINOGEN (Đông máu Toàn bộ)	300.000	
77	VS - Vitesse sanguine (ESR)	56.000	
XN Sinh Hóa-Miễn Dịch			
78	17-OH Progesterone	146.000	
79	A.F.P	137.000	
80	Acide Uric	52.000	
81	ACT	67.000	
82	ACTH	160.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
83	ADA (Adenosine deaminase)	197.000	
84	Adeno virus IgG	167.000	
85	Adeno virus IgM	167.000	
86	Albumin	42.000	
87	Aldosterone	422.000	
88	Alkaline Phosphatase	52.000	
89	AMA-M2	167.000	
90	Amylase máu	54.000	
91	Amylase niệu	54.000	
92	ANA	112.000	
93	ANA-8 Profiles	1.302.000	
94	ANCA Screen	222.000	
95	Anti - HCV	177.000	
96	Anti - Sm	117.000	
97	Anti - SS - A	117.000	
98	Anti - SS - B	117.000	
99	Anti CCP	222.000	
100	Anti ds DNA	217.000	
101	Anti HAV IgG	165.000	
102	Anti HAV IgM	171.000	
103	Anti HBc Total	193.000	
104	Anti HBc (HBc Ab)	126.000	
105	Anti HBs (HBsAb)	124.000	
106	Anti HDV IgG	167.000	
107	Anti HDV IgM	167.000	
108	Anti HEV IgG	167.000	
109	Anti HEV IgM	167.000	
110	Anti Microsomal (TPO Ab)	137.000	
111	Anti Phospholipid - IgG	167.000	
112	Anti Phospholipid - IgM	167.000	
113	Anti Scl - 70	117.000	
114	Anti Thyroglobulin	292.000	
115	Áp lực thẩm thấu máu	332.000	
116	Áp lực thẩm thấu nước tiểu	182.000	
117	ASO(ASLO)	70.000	
118	Aspergillus IgM/IgG	222.000	
119	Beta 2 Microglobulin	146.000	
120	Beta HCG Serum	146.000	
121	Beta HCG Urine	146.000	
122	Bilirubin Gián Tiếp (Indirect bilirubin)	4.000	
123	Bilirubin Toàn phần (Total bilirubin)	64.000	
124	Bilirubin Trực tiếp (Direct bilirubin)	39.000	
125	BNP	790.000	
126	Bộ điện giải đồ 3 loại Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻	122.000	
127	Bộ nhiễm BN 4 loại (HIV, HBsAg, HCV, VDRI	432.000	
128	Bộ nhiễm Donneur 5 loại (HIV, HBsAg, HCV, V	502.000	
129	Bộ nhiễm Donneur 6 loại (HIV, HBsAg, HVC, V	552.000	
130	BUN	52.000	
131	C.A 19 - 9	170.000	
132	C.E.A	170.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
133	C1	232.000	
134	C2	117.000	
135	C3	86.000	
136	C4	86.000	
137	CA 125	165.000	
138	CA 15-3	165.000	
139	CA 72-4	165.000	
140	Calcitonin	146.000	
141	Cặn Addis	55.000	
142	Cardiolipin IgG	167.000	
143	Cardiolipin IgM	167.000	
144	Catecholamine máu (nguyên bộ)	662.000	
145	Catecholamine nước tiểu	662.000	
146	Chi phí rửa (chưa bao gồm khối hồng cầu)	622.000	
147	Chlamydia pneumoniae - IgG	167.000	
148	Chlamydia pneumoniae - IgM	167.000	
149	Chlamydia trachomatis - IgG	302.000	
150	Chlamydia trachomatis - IgM	167.000	
151	Cholesterol Toàn phần (Total Cholesterol)	72.000	
152	CK - MB	107.000	
153	CMV - DNA (realtime)	362.000	
154	CMV IgG	182.000	
155	CMV IgM	182.000	
156	Copeptin	422.000	
157	Cortisol	175.000	
158	CPK	103.000	
159	Creatinin niệu	47.000	
160	Creatinine - huyết	47.000	
161	CRP	87.000	
162	CRP-Hs	87.000	
163	CYFRA 21-1	170.000	
164	Đạm huyết (Total protein)	41.000	
165	Đếm tế bào của DMP, DMT	99.000	
166	Đếm tế bào dịch DP	99.000	
167	Dengue Fever - IgG	91.000	
168	Dengue Fever - IgM	91.000	
169	Dengue NS1 Ag	177.000	
170	DHEA SO4	96.000	
171	Điện di đạm	267.000	
172	Điện di đạm niệu	1.517.000	
173	Điện giải đồ Cl-	42.000	
174	Điện giải đồ K+	42.000	
175	Điện giải đồ Na+	42.000	
176	Digoxin (máu)	170.000	
177	Định danh kháng thể bất thường	2.102.000	
178	Định lượng Mg++ huyết thanh	57.000	
179	Định lượng calci toàn phần [máu]	27.000	
180	Định lượng FLC Kappa & Lambda	1.442.000	
181	Định lượng Vitamin D3	410.000	
182	Định nhóm máu khó hệ ABO	499.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
183	Định Phenoltupe hồng cầu	695.000	
184	Định tính Kappa, Lambda light chains	1.062.000	
185	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A,I	2.753.000	
186	Ds DNA	227.000	
187	Đường huyết lúc đói (Fasting glycemia)	52.000	
188	Đường huyết sau ăn (Post prandial glycemia)	52.000	
189	EBV -(IgG)	206.000	
190	EBV -(IgM)	206.000	
191	EBV DNA (realtime)	362.000	
192	Enterovirus - PCR	1.082.000	
193	Enterovirus IgM/IgG	167.000	
194	Estradiol (E2)	98.000	
195	Fe huyết thanh	52.000	
196	Ferritin	147.000	
197	FOB (Fecal Occult Blood)	82.000	
198	Folate	117.000	
199	Free PSA	165.000	
200	FSH	100.000	
201	FT3	122.000	
202	FT4	120.000	
203	G6-PB/Blood	166.000	
204	Galectin 3	452.000	
205	Gamma interferon	227.000	
206	Gaz du sang (Khí máu động mạch)(bao gồm khí t	304.000	
207	GGT	52.000	
208	Haptoglobin	102.000	
209	HbA1C	165.000	
210	HBc IgM	146.000	
211	Hbe Ag	126.000	
212	HBs - Ag	107.000	
213	HBV DNA (định tính) (dịch)	482.000	
214	HBV DNA (định tính) (máu)	302.000	
215	HBV DNA Cobas	1.302.000	
216	HBV DNA Taqman	362.000	
217	HBV Genotype - Taqman	757.000	
218	HCC RISK (AFP+AFP-L3+PIVKAI(DCP))	1.302.000	
219	HCV RNA (định tính)	522.000	
220	HCV RNA cobas	1.402.000	
221	HCV RNA Taqman	582.000	
222	HDL Cholesterol	72.000	
223	HDV Ag	167.000	
224	HDV RNA	602.000	
225	Helicobacter Pylori Ab - test nhanh (IgG)	98.000	
226	Herpes simplex Type 1 & 2 - PCR	857.000	
227	HGT	27.000	
228	HIV - Elisa	117.000	
229	HIV -1 test	134.000	
230	HIV-Elisa 2 test	266.000	
231	HIV-Elisa 3 test	367.000	
232	Homocystene total	222.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
233	Hồng cầu đông lạnh	5.702.000	
234	HP test IgG	122.000	
235	HP test IgM	122.000	
236	HPV PCR	227.000	
237	Hs-Troponine I (Arc)	185.000	
238	Hs-Troponine T	185.000	
239	HSV 1,2 IgG	302.000	
240	HSV 1,2 IgM	302.000	
241	HSV DNA 1,2 Realtime	302.000	
242	IDR	107.000	
243	IgA	86.000	
244	IgE	117.000	
245	IgG	86.000	
246	IgM	86.000	
247	Influenza A IgG	167.000	
248	Interleukin 6 (IL-6)	552.000	
249	Japanese Encephalitis IgM/IgG	502.000	
250	Lactate	122.000	
251	LDH	57.000	
252	LDL Cholesterol	73.000	
253	LE cell	50.000	
254	Legionella Pneumoniae IgM/IgG	167.000	
255	Leptospira IgM/IgG	167.000	
256	LH	98.000	
257	LKM - 1	177.000	
258	Measles - IgG Sởi	302.000	
259	Measles - IgM Sởi	302.000	
260	Metanephrine/Plasma	452.000	
261	Metanephrine/Urine 24h	452.000	
262	Mumps virus IgM/IgG	302.000	
263	Mycoplasma Pneumoniae IgG/IgM	302.000	
264	Neisseria gonorrhoeae-Chlamydia trachomatis D1	302.000	
265	Nghiệm pháp dung nạp đường huyết	170.000	
266	NH3 / blood	122.000	
267	NT - Pro BNP	557.000	
268	Panel 1 Việt	827.000	
269	Phân tích dịch não tủy (CSF)	167.000	
270	Phát hiện gene JAK2 V617F trong nhóm bệnh tủy	3.782.000	
271	Pre Albumin	101.000	
272	Prgesterone	103.000	
273	Pro GRP	362.000	
274	Procalcitonin	515.000	
275	Progesteron	98.000	
276	Prolactin	103.000	
277	Protein/nước tiểu 24h	44.000	
278	PSA	177.000	
279	PTH	252.000	
280	QuantiFERON-TB	1.752.000	
281	Renin	362.000	
282	RF (yếu tố thấp khớp)	92.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
283	Rubella IgG	182.000	
284	Rubella IgM	182.000	
285	Sàng lọc kháng thể bất thường	359.000	
286	SGOT (AST)	42.000	
287	SGPT (ALT)	42.000	
288	Sinh hóa DMP	167.000	
289	Sinh hóa DMT	167.000	
290	Sinh hoá nước tiểu	70.000	
291	Soi cặn lắng nước tiểu	72.000	
292	Soi cò tử cung	402.000	
293	Syphilis	120.000	
294	T.P.H.A	65.000	
295	T3	98.000	
296	T4	98.000	
297	Tacrolimus	732.000	
298	Test Keton	57.000	
299	Test nhanh HbA1C	259.000	
300	Test nhanh HIV (Determine HIV)	92.000	
301	Test nhanh ST2	652.000	
302	Testosteron	149.000	
303	Thử HGT	27.000	
304	Thyroglobulin (TG)	167.000	
305	TIBC (total iron binding capacity)	90.000	
306	Tổng phân tích nước tiểu	83.000	
307	Toxoplasma IgG	182.000	
308	Toxoplasma IgM	182.000	
309	TPO Ab (AntiTPO)	146.000	
310	Trắc nghiệm Adénosine	1.102.000	
311	Transferrin	88.000	
312	Trasferrin	88.000	
313	Triglycerides	72.000	
314	TSH	136.000	
315	TSH Receptor Ab (TRAb)	482.000	
316	TSI	482.000	
317	Urê - huyết (Uremia)	52.000	
318	Urê - niệu	52.000	
319	Vancomycin	237.000	
320	Varicella Zoster Virus IgG	302.000	
321	Varicella Zoster Virus IgM	302.000	
322	Varicella-Zonster virus-PCR	862.000	
323	VDRL	72.000	
324	VMA / URINE 24h	227.000	
325	VZV DNA Realtime	302.000	
326	Xét nghiệm khí máu	92.000	
327	Micro Albumin niệu	97.000	
328	Myoglobin	140.000	
329	SCC	232.000	
330	Xét nghiệm sàng lọc HIV,HBV,HCV (kỹ thuật N	541.000	
XN Vi Sinh - Ký Sinh Trùng			
331	Filariasis	96.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
332	Paragonimus IgG	96.000	
333	Paragonimus IgM	96.000	
334	Angio cantonensis IgG	96.000	
335	Angio cantonensis IgM	96.000	
336	Ascaris lumbricoides IgM	96.000	
337	Clonorchis sinensis IgG	96.000	
338	Clonorchis sinensis IgM	96.000	
339	Echinococcus IgM	96.000	
340	Cysticercose IgM	96.000	
341	Gnathostoma IgG	96.000	
342	Soi tìm vi trùng (mỗi loại bệnh phẩm)	100.000	
343	Soi phân tìm ký sinh trùng	142.000	
344	Trichinella-IgM	96.000	
X-Quang			
345	Blondeau-Hirtz {CR}	285.000	
346	Chụp XQ bụng không sửa soạn {CR}	245.000	
347	Chụp XQ khung chậu {CR}	245.000	
348	Chụp Xquang Blondeau {CR}	140.000	
349	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 {CR}	265.000	
350	Chụp Xquang cột sống cổ chềch hai bên {CR}	265.000	
351	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế (CR)	390.000	
352	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng {CR}	265.000	
353	Chụp Xquang cột sống cùng cột thẳng nghiêng {CR}	265.000	
354	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch {CR}	265.000	
355	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chềch hai bên {CR}	265.000	
356	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn(CR)	265.000	
357	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng {CR}	265.000	
358	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng {CR}	265.000	
359	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn {CR}	140.000	
360	Chụp Xquang Hirtz {CR}	140.000	
361	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng {CR}	140.000	
362	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chềch hai bên(CR)	265.000	
363	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chềch(CR)	265.000	
364	Chụp Xquang khớp háng nghiêng {CR}	140.000	
365	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên {CR}	140.000	
366	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) {CR}	140.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
367	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch {CR}	265.000	
368	Chụp Xquang khớp thái dương hàm {CR}	140.000	
369	Chụp Xquang Khớp vai (Nghiêng) {CR}	140.000	
370	Chụp Xquang Khớp vai (thẳng - nghiêng) {CR}	265.000	
371	Chụp Xquang Khớp vai (Thẳng) {CR}	140.000	
372	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng {CR}	265.000	
373	Chụp Xquang Schuller (hai bên: trái - phải) {CR}	265.000	
374	Chụp Xquang Sọ não (Nghiêng) {CR}	140.000	
375	Chụp Xquang Sọ não (thẳng - nghiêng) {CR}	265.000	
376	Chụp Xquang Sọ não (Thẳng) {CR}	140.000	
377	Chụp Xquang tại giường nghiêng số hóa 1 phim	215.000	
378	Chụp Xquang tại giường thẳng số hóa 1 phim	215.000	
379	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng {CR}	415.000	
380	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch (CR)	265.000	
381	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéch(CR)	265.000	
382	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè(CR)	265.000	
383	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng(CR)	265.000	
384	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng {CR}	265.000	
385	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng {CR}	265.000	
386	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéch(CR)	265.000	
387	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch {CR}	265.000	
388	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch {CR}	140.000	
389	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng(CR)	265.000	
390	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng(CR)	265.000	
391	X Quang Tim - Phổi (Nghiêng) {CR}	140.000	
392	X Quang Tim - phổi (thẳng - nghiêng) {CR}	265.000	
393	X Quang Tim - Phổi (Thẳng) {CR}	140.000	
Thủ Thuật			
394	Thay băng	100.000	
395	Khí dung (mặt nạ (1 lần)/Aerosol (giờ))	25.000	
Phòng bệnh			
396	1 giường / phòng / ngày (Khoa Ngoại)	2.200.000	
397	1 giường/phòng/ngày	2.200.000	
398	1 giường/phòng/ngày (sau mổ)	2.200.000	
399	2 giường / phòng / ngày (Khoa Ngoại)	1.500.000	
400	2 giường/phòng/ngày	1.500.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
401	2 giường/phòng/ngày (sau mổ)	1.500.000	
402	3 giường / phòng / ngày (Khoa Ngoại)	800.000	
403	3 giường / phòng / ngày (Sau mổ)	800.000	
404	3 giường/phòng/ngày	800.000	
405	4 giường/phòng/ngày	650.000	
406	Giường cấp cứu dưới 6 giờ (mỗi giờ 110.000đ)	120.000	
407	Giường cấp cứu từ 12 đến 24 giờ	3.000.000	
408	Giường cấp cứu từ 6 đến 12 giờ	1.500.000	
409	Giường hồi sức cấp cứu (REA)	3.000.000	
410	Giường hồi sức cấp cứu (USIC)	3.000.000	
411	Giường Hồi sức tích cực ICU (Giường bệnh Hồi sức hậu phẫu Ngoại Tim Mạch- REA)/giường/ngày	3.000.000	
412	Giường Hồi sức tích cực ICU (Giường bệnh HSCC Nội Tim Mạch-USIC)/giường/ngày	3.000.000	
413	Giường Nội khoa - Khoa Hồi sức cấp cứu	3.000.000	
414	Giường nội khoa - Khoa USIC	3.000.000	
415	Phòng 2 giường (BP) / bệnh nhân / ngày (Khoa Ngoại)	2.600.000	
416	Phòng 2 giường (BP)/ bệnh nhân/ ngày	2.600.000	
417	Phòng 2 giường (BP)/ bệnh nhân/ ngày (sau mổ)	2.600.000	
418	Phòng TÂM ĐỨC 1 (Tam Duc one)/bệnh nhân/ngày	7.500.000	
419	Phòng TÂM ĐỨC 2 /Bệnh nhân/ngày	5.500.000	
420	Phòng TÂM ĐỨC 3 /Bệnh nhân/ngày	4.000.000	
421	Phòng VIP đôi 517-519	5.000.000	
Phẫu thuật tim			
422	CF1 - Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	16.000.000	
423	CF1 - Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi (Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung và đai nẹp ngoài)	16.000.000	
424	CF1 - Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi (Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung và đai nẹp ngoài)	16.000.000	
425	CF1 - Phẫu thuật mở lồng ngực khâu, thắt ống ngực (Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung và đai nẹp ngoài)	16.000.000	
426	CF1 - Phẫu thuật thắt hẹp động mạch phổi trong bệnh tim bẩm sinh có tăng áp lực động mạch phổi nặng	16.000.000	
427	CF2 - Cắt màng ngoài tim trong viêm màng ngoài tim có mũ	26.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
428	CF2 - Phẫu thuật Band động mạch phổi tạm thời trong điều trị các trường hợp tăng lượng máu lên phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	26.000.000	
429	CF2 - Phẫu thuật cắt màng tim rộng	26.000.000	
430	CF2 - Phẫu thuật đặt máy tạo nhịp tim (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	26.000.000	
431	CF2 - Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	26.000.000	
432	CF2 - Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ lớn và người lớn (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	26.000.000	
433	CF2 - Phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	26.000.000	
434	CF2 - Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi (Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung và đai nẹp ngoài)	26.000.000	
435	CF2 - Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi (Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung và đai nẹp ngoài)	26.000.000	
436	CF2 - Phẫu thuật thắt hẹp động mạch phổi trong bệnh tim bẩm sinh có tăng áp lực động mạch phổi nặng	26.000.000	
437	CF2 - Phẫu thuật tim loại Blalock (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	26.000.000	
438	CF2 - Phẫu thuật vỡ tim do chấn thương ngực kín (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	26.000.000	
439	CF2 - Thắt ống động mạch (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	26.000.000	
440	CF3 - NHI - Phẫu thuật cắt ống động mạch ở người bệnh trên 15 tuổi hay ở người bệnh có áp lực phổi bằng hay cao hơn 2 phần 3 áp lực đại tuần hoàn (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	32.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
441	CF3 - NHI - Phẫu thuật chữa tạm thời tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	32.000.000	
442	CF3 - NHI - Phẫu thuật tim loại Blalock (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	32.000.000	
443	CF3 - Phẫu thuật cắt màng tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	32.000.000	
444	CF3 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất	32.000.000	
445	CF3 - Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	32.000.000	
446	CF3 - Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ nhỏ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	32.000.000	
447	CF3 - Phẫu thuật thắt hẹp động mạch phổi trong bệnh tim bẩm sinh có tăng áp lực động mạch phổi nặng	32.000.000	
448	CF3: Phẫu thuật cắt u trung thất (chưa tính thuốc và dụng cụ)	32.000.000	
449	CO1 - Cắt màng ngoài tim trong viêm màng ngoài tim có mũ	51.000.000	
450	CO1 - NHI - Phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng mổ mở (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
451	CO1 - NHI - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
452	CO1 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch phổi phổi trong bệnh tim bẩm sinh có hẹp đường ra thất phải (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	51.000.000	
453	CO1 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
454	CO1 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	51.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
455	CO1 - Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
456	CO1 - Phẫu thuật cấp cứu lồng ngực có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	51.000.000	
457	CO1 - Phẫu thuật chữa tạm thời tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	51.000.000	
458	CO1 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	51.000.000	
459	CO1 - Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	51.000.000	
460	CO1 - Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ lớn và người lớn (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
461	CO1 - Phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	51.000.000	
462	CO1 - Phẫu thuật đóng thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
463	CO1 - Phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	51.000.000	
464	CO1 - Phẫu thuật mở hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn tạm thời	51.000.000	
465	CO1 - Phẫu thuật nối tắt tĩnh mạch chủ - động mạch phổi điều trị bệnh tim bẩm sinh phức tạp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	51.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
466	CO1 - Phẫu thuật vá thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	51.000.000	
467	CO1: Phẫu thuật cắt u trung thất (chưa tính thuốc và dụng cụ)	51.000.000	
468	CO2 - Cắt màng ngoài tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	53.000.000	
469	CO2 - Cắt u nhầy nhĩ phải - trái	53.000.000	
470	CO2 - NHI - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh vỡ xoang Valsava (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
471	CO2 - NHI - Phẫu thuật dò động mạch vành vào nhĩ phải, động mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
472	CO2 - NHI - Phẫu thuật phòng động mạch phổi, dò động tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
473	CO2 - NHI - Phẫu thuật phục hồi lưu thông tĩnh mạch chủ trên bị tắc (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
474	CO2 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa hẹp đường ra thất phải đơn thuần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
475	CO2 - NHI - Phẫu thuật thay động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
476	CO2 - NHI - Phẫu thuật tĩnh mạch phổi bất thường (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
477	CO2 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch phổi phổi trong bệnh tim bẩm sinh có hẹp đường ra thất phải (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo/ động mạch chủ nhân tạo)	53.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
478	CO2 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
479	CO2 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	53.000.000	
480	CO2 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	53.000.000	
481	CO2 - Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
482	CO2 - Phẫu thuật cắt màng tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	53.000.000	
483	CO2 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	53.000.000	
484	CO2 - Phẫu thuật điều trị hẹp đường ra thất phải đơn thuần (hẹp phễu thất phải, van động mạch phổi ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
485	CO2 - Phẫu thuật điều trị viêm mù màng tim	53.000.000	
486	CO2 - Phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
487	CO2 - Phẫu thuật đóng thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
488	CO2 - Phẫu thuật hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	53.000.000	
489	CO2 - Phẫu thuật mở hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn tạm thời	53.000.000	
490	CO2 - Phẫu thuật nối tắt tĩnh mạch chủ - động mạch phổi điều trị bệnh tim bẩm sinh phức tạp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
491	CO2 - Phẫu thuật sửa chữa bất thường hoàn toàn toàn hồi lưu tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	53.000.000	
492	CO2 - Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phổi hợp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
493	CO2 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh nhĩ 3 buồng (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
494	CO2 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ bán phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	53.000.000	
495	CO2 - Phẫu thuật sửa toàn bộ vỡ phình xoang Valsalva (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
496	CO2 - Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá đơn thuần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
497	CO2 - Phẫu thuật tạo hình van hai lá bị hẹp do thấp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
498	CO2 - Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
499	CO2 - Phẫu thuật thay van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
500	CO2 - Phẫu thuật thay van hai lá (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
501	CO2 - Phẫu thuật vá thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	53.000.000	
502	CO2 - Phẫu thuật vỡ tim do chấn thương ngực kín (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	53.000.000	
503	CO3 - Cắt màng ngoài tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	57.000.000	
504	CO3 - NHI - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh ba buồng nhĩ. (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
505	CO3 - NHI - Phẫu thuật đóng đường rò trong bệnh lý đường hầm động mạch chủ-thất trái (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
506	CO3 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa bất thường hoàn toàn toàn hồi lưu tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
507	CO3 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa bệnh lý hẹp các tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
508	CO3 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa các bất thường của tĩnh mạch hệ thống trở về (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
509	CO3 - NHI - Phẫu thuật sửa và tạo hình van động mạch chủ trong bệnh lý van động mạch chủ bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
510	CO3 - NHI - Phẫu thuật sửa van hai lá tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
511	CO3 - NHI - Phẫu thuật thay van tim do bệnh lý van tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
512	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
513	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh đảo ngược các mạch máu lớn, ba buồng nhĩ. (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	57.000.000	
514	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	57.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
515	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	57.000.000	
516	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	57.000.000	
517	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh vỡ xoang Valsava (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng . . .)	57.000.000	
518	CO3 - Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
519	CO3 - Phẫu thuật cắt màng tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	57.000.000	
520	CO3 - Phẫu thuật cắt u nhầy nhĩ trái (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
521	CO3 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miế	57.000.000	
522	CO3 - Phẫu thuật điều trị hẹp đường ra thất phải đơn thuần (hẹp phễu thất phải, van động mạch phổi ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
523	CO3 - Phẫu thuật điều trị vết thương tim (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	57.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
524	CO3 - Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	57.000.000	
525	CO3 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim bẩm sinh (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
526	CO3 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
527	CO3 - Phẫu thuật lại sửa toàn bộ các dị tật tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng và siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	57.000.000	
528	CO3 - Phẫu thuật nối tắt tĩnh mạch chủ - động mạch phổi điều trị bệnh tim bẩm sinh phức tạp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	57.000.000	
529	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phối hợp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
530	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh nhĩ 3 buồng (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
531	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh thất phải hai đường ra (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
532	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ bán phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	57.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
533	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ hoàn toàn (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
534	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
535	CO3 - Phẫu thuật sửa toàn bộ vỡ phình xoang Valsalva (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
536	CO3 - Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá đơn thuần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
537	CO3 - Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá kết hợp can thiệp khác trên tim (thay, tạo hình ... các van tim khác) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
538	CO3 - Phẫu thuật tạo hình van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
539	CO3 - Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
540	CO3 - Phẫu thuật thắt 1 buồng (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn...)	57.000.000	
541	CO3 - Phẫu thuật thay hoặc tạo hình van hai lá kết hợp thay hoặc tạo hình van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
542	CO3 - Phẫu thuật thay van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
543	CO3 - Phẫu thuật thay van hai lá (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
544	CO3 - Phẫu thuật tĩnh mạch phổi bất thường (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	57.000.000	
545	CO3 - Phẫu thuật vá thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	57.000.000	
546	CO3. Phẫu thuật đóng thông liên nhĩ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	57.000.000	
547	CO4 - NHI - Cắt đoạn nối động mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
548	CO4 - NHI - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ vành 3 cầu trở lên (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
549	CO4 - NHI - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ với các động mạch xuất phát từ quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
550	CO4 - NHI - Phẫu thuật bắc cầu mạch vành không dùng máy tim phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
551	CO4 - NHI - Phẫu thuật bệnh Ebstein (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
552	CO4 - NHI - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh đảo ngược các mạch máu lớn, ba buồng nhĩ. (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
553	CO4 - NHI - Phẫu thuật điều trị các bệnh lý vòng thắt động mạch và kim động mạch bằng mổ mở (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
554	CO4 - NHI - Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất toàn phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
555	CO4 - NHI - Phẫu thuật điều trị phồng động mạch chủ ngực - bụng (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
556	CO4 - NHI - Phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
557	CO4 - NHI - Phẫu thuật phồng động mạch chủ ngực (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
558	CO4 - NHI - Phẫu thuật phồng gốc động mạch chủ bảo tồn van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
559	CO4 - NHI - Phẫu thuật phồng quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
560	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa trong bệnh lý hẹp đường ra thất trái loại Konno hoặc Ross-Konno (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
561	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý hẹp phổi và vách liên thất kín (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
562	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý không có van động mạch phổi bẩm sinh kèm theo thương tổn trong tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
563	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý teo phổi và vách liên thất kín (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
564	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý teo van và/hoặc thân-nhánh động mạch phổi và vách liên thất hở (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
565	CO4 - NHI - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong một thì của bệnh lý hẹp eo động mạch chủ kèm theo các thương tổn trong tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
566	CO4 - NHI - Phẫu thuật teo hai quai động mạch chủ (dị dạng quai động mạch) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
567	CO4 - NHI - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên kèm quai động mạch chủ, động mạch chủ xuống (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
568	CO4 - NHI - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên kèm van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
569	CO4 - NHI - Phẫu thuật thay đoạn động mạch xuất phát từ quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
570	CO4 - NHI - Thay đoạn động mạch chủ lên kèm quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
571	CO4 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành không dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	68.000.000	
572	CO4 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
573	CO4 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
574	CO4 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
575	CO4 - Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
576	CO4 - Phẫu thuật cắt túi phồng thất trái (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
577	CO4 - Phẫu thuật cắt u cơ tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
578	CO4 - Phẫu thuật cắt u nhày nhĩ trái (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
579	CO4 - Phẫu thuật chuyển vị đại động mạch (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
580	CO4 - Phẫu thuật dạng Fontan trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
581	CO4 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng	68.000.000	
582	CO4 - Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất bán phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
583	CO4 - Phẫu thuật điều trị lóc động mạch chủ type A (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
584	CO4 - Phẫu thuật điều trị phồng động mạch chủ ngực – bụng trên và ngang thận (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch b	68.000.000	
585	CO4 - Phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
586	CO4 - Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
587	CO4 - Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	68.000.000	
588	CO4 - Phẫu thuật Fontan (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
589	CO4 - Phẫu thuật Fontan (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
590	CO4 - Phẫu thuật ghép van tim đồng loài (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
591	CO4 - Phẫu thuật hẹp hay tắc chạc ba động mạch chủ và động mạch chậu, tạo hình hoặc thay chạc ba (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
592	CO4 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim bẩm sinh (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
593	CO4 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van	68.000.000	
594	CO4 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
595	CO4 - Phẫu thuật lại sửa toàn bộ các dị tật tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
596	CO4 - Phẫu thuật phòng động mạch chủ bụng đoạn dưới động mạch thận (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
597	CO4 - Phẫu thuật phòng gốc động mạch chủ kèm thay van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
598	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa bất thường hoàn toàn toàn hồi lưu tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
599	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa bất thường xuất phát của một động mạch phổi từ động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
600	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa bệnh lý hẹp các tĩnh mạch phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
601	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa các bất thường xuất phát của động mạch vành (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
602	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa kinh điển của bệnh lý chuyển gốc động mạch có sửa chữa (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
603	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa sinh lý của bệnh lý chuyển gốc động mạch có sửa chữa (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
604	CO4 - Phẫu thuật sửa chữa toàn bộ bệnh lý cửa sổ chủ-phổi (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
605	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phổi hợp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu)	68.000.000	
606	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh lý thân chung động mạch (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
607	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh thất phải hai đường ra (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
608	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ hoàn toàn (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
609	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sàn nhĩ – thất bán phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
610	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sản nhĩ – thất toàn bộ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
611	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ trong một thì của bệnh lý gián đoạn quai động mạch chủ kèm theo theo các thương tổn trong tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
612	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
613	CO4 - Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
614	CO4 - Phẫu thuật sửa van ba lá điều trị bệnh Ebstein (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
615	CO4 - Phẫu thuật tách hẹp van hai lá tim kín lần hai (Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	68.000.000	
616	CO4 - Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá kết hợp can thiệp khác trên tim (thay, tạo hình ... các van tim khác) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
617	CO4 - Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
618	CO4 - Phẫu thuật thất 1 buồng (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
619	CO4 - Phẫu thuật thắt phải 2 đường ra (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
620	CO4 - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng dưới thận, động mạch chậu (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	68.000.000	
621	CO4 - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
622	CO4 - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ ngực (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
623	CO4 - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ trên thận (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
624	CO4 - Phẫu thuật thay động mạch chủ lên và quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	68.000.000	
625	CO4 - Phẫu thuật thay động mạch chủ lên, quai động mạch chủ và động mạch chủ xuống (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng ...)	68.000.000	
626	CO4 - Phẫu thuật thay hoặc tạo hình van hai lá kết hợp thay hoặc tạo hình van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
627	CO4 - Phẫu thuật thay lại 1 van tim(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
628	CO4 - Phẫu thuật thay lại 2 van tim (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
629	CO4 - Phẫu thuật thay van ba lá điều trị bệnh Ebstein (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
630	CO4 - Phẫu thuật thay van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
631	CO4 - Phẫu thuật thay van động mạch chủ và động mạch chủ lên(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
632	CO4 - Phẫu thuật thay van hai lá (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	68.000.000	
633	CO4 - Phẫu thuật tĩnh mạch phổi bất thường (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, dung dịch bảo vệ tạng...)	68.000.000	
634	CO4 - Phẫu thuật vá thông liên thất(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ)	68.000.000	
635	CO5 - Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá kết hợp can thiệp khác trên tim (thay, tạo hình ... các van tim khác) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
636	CO5 - NHI - Phẫu thuật bệnh Ebstein	72.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
637	CO5 - NHI - Phẫu thuật dạng Fontan trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
638	CO5 - NHI - Phẫu thuật sửa chữa toàn bộ bệnh lý cửa sổ chủ-phổi(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
639	CO5 - NHI - Phẫu thuật sửa van hai lá tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
640	CO5 - NHI - Phẫu thuật thất phải 2 đường ra(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
641	CO5 - NHI - Phẫu thuật thay van tim do bệnh lý van tim bẩm sinh (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
642	CO5 - Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
643	CO5 - Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
644	CO5 - Phẫu thuật dạng Gleen hoặc BCPS trong điều trị các bệnh lý tim một tâm thất (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miế	72.000.000	
645	CO5 - Phẫu thuật đóng đường rò trong bệnh lý đường hầm động mạch chủ-thất trái (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng	72.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
646	CO5 - Phẫu thuật Fontan(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
647	CO5 - Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
648	CO5 - Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phối hợp(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
649	CO5 - Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sản nhĩ – thất toàn bộ(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
650	CO5 - Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
651	CO5 - Phẫu thuật sửa van ba lá điều trị bệnh Ebstein(Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
652	CO5 - Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
653	CO5 - Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng dưới thận, động mạch chậu (Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch...)	72.000.000	
654	CO5 – Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên kèm van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	72.000.000	
655	CO5 - Phẫu thuật thay động mạch chủ lên và quai động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo...)	72.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
656	CO5 - Phẫu thuật thay hoặc tạo hình van hai lá kết hợp thay hoặc tạo hình van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
657	CO5 - Phẫu thuật thay van ba lá điều trị bệnh Ebstein	72.000.000	
658	CO5 - Phẫu thuật thay van động mạch chủ (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
659	CO5 - Phẫu thuật thay van hai lá (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
660	CO5- Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất bán phần (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá siêu mỏng, d. dịch bảo vệ tạ	72.000.000	
661	PO1 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
662	PO1 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phồng thất trái ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
663	PO2 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	
664	PO2 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phồng thất trái ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	72.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
665	PO3 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	78.000.000	
666	PO3 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phòng thất trái ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	78.000.000	
667	PO4 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	82.000.000	
668	PO4 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phòng thất trái ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	82.000.000	
669	PO5 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	90.000.000	
670	PO5 - Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phòng thất trái ...) (Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo...)	90.000.000	
Điện sinh lý tim			
671	Cấy máy phá rung tự động (ICD) (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	18.500.000	
672	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm / đặt máy tạo nhịp 1 buồng (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	10.000.000	
673	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm / đặt máy tạo nhịp 2 buồng (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	12.000.000	
674	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT) / đặt máy CRT-D (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	26.000.000	
675	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT) / đặt máy CRT-P (Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung)	26.000.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
676	Chi phí kỹ thuật cao thay dây tạo nhịp gồm(Nhân sự,PC thủ thuật,PC độc hại,khẩu hao,bảo trì trang bị y khoa KTC)Chi phí máy tạo nhịp,thuốc,hoá chất và y dụng cụ theo thực tế sử dụng.	10.000.000	
677	Chi phí kỹ thuật cao thay máy tạo nhịp (chỉnh dây, chỉnh máy tạo nhịp, ICD, CRT-D, CRT-P)	10.000.000	
678	Chi phí kỹ thuật cao thay máy tạo nhịp (làm sạch máy)	10.000.000	
679	Chi phí kỹ thuật cao thay máy tạo nhịp gồm(Nhân sự,PC thủ thuật,PC độc hại,khẩu hao,bảo trì trang bị y khoa KTC)Chi phí máy tạo nhịp,thuốc,hoá chất và y dụng cụ theo thực tế sử dụng.	10.000.000	
680	Dịch vụ shock điện chuyển nhịp (tại phòng cathlab gây mê hoặc gây tê, chưa bao gồm vật tư y tế)	4.000.000	
681	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio	17.000.000	
682	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio (Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim) (có chuyên gia)	24.000.000	
683	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio (Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim) (không có chuyên gia)	24.000.000	
684	Điều trị rung nhĩ bằng năng lượng sóng tần số radio sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim có chuyên gia(chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu...)	24.000.000	
685	Điều trị rung nhĩ bằng năng lượng sóng tần số radio sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim không chuyên gia (chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu ...)	24.000.000	
686	Phẫu thuật dẫn lưu màng tim (tại P.Cthlab, gây tê hoặc gây mê, thuốc và VTYT tính riêng)	3.000.000	
687	Thăm dò điện sinh lý tim (Chưa bao gồm bộ dụng cụ thăm dò điện sinh lý tim)	13.000.000	
Dịch vụ y tế khác			
688	Công truyền dịch	70.000	
689	Điều dưỡng chăm sóc	130.000	

STT	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 25/03/2024	Ghi chú
690	Sử dụng 01 bơm tiêm / 1 giờ	7.000	
691	Theo dõi monitor/1 giờ	12.000	
692	Tiêm thuốc bệnh nhân nội trú/1 lần	17.000	
Điều trị			
693	Điều trị hàng ngày	220.000	


TỔNG GIÁM ĐỐC 
BS. ĐỖ VĂN BỬU ĐAN 